

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 05/2020/HSST

Ngày: 21 - 2 - 2020.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đan Phượng, ngày 21 tháng 2 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyển

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Ông Tạ Văn Nhật

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 2 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2020/TLST – HS ngày 10 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu C, sinh năm 1999 tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Cụm 13, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không; danh bản, chỉ bản số 326 lập ngày 16/10/2019 của Công an huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; bị cáo tại ngoại có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1993; có mặt.

Địa chỉ: Cụm 10, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Thiệu Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 10, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Quyết T, sinh năm 1995; địa chỉ: Cụm 7, xã Tân H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ, ngày 25/7/2019, Nguyễn Hữu C ở Cụm 13, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội đến quán bi a QĐ ở Cụm 5, xã T, huyện Đ chơi. Do không có tiền ăn tiêu nên C đã nảy sinh ý định hỏi mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển số 29X3-111.25 của anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1993 ở Cụm 10, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, là nhân viên của quán bi a QĐ để đi cầm cố lấy tiền ăn tiêu. Để đạt được mục đích chiếm đoạt tài sản, C nói với anh Q là mượn xe để đi đón bạn nhưng sau khi được anh Q giao xe, C gọi điện cho bạn là Nguyễn Quyết T, sinh năm 1995 ở Cụm 7, xã Tân H, huyện Đ, nói có chiếc xe máy là của gia đình, nhờ cầm cố hộ. Nguyễn Quyết T cầm cố chiếc xe máy trên cho anh Thiệu Văn T, sinh năm 1981 ở Thôn 10, xã T, huyện Đ lấy 5.000.000 đồng và đưa lại số tiền trên cho Chiến. Số tiền này C đã chi tiêu cá nhân hết. Anh Q sau khi cho mượn xe đã gặp C đòi lại xe nhiều lần không được nên đến ngày 27/7/2019 đã có đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của C đến Cơ quan Công an. Ngày 19/8/2019, C đã đến nhà anh Thiệu Văn T chuộc lại chiếc xe máy và trả lại cho anh Q.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 53/KL-HĐ ngày 02/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển số 29X3-111.25 có giá trị 20.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 01/CT-VKS-ĐP ngày 26 tháng 12 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Hữu C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung đã nêu trên, bị cáo cũng nhận thức việc làm của mình là sai pháp luật nên rất hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố Nguyễn Hữu C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo C từ 8 tháng tù đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng. Về trách nhiệm dân sự, tài sản của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thu hồi và trả lại nên không phải giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hữu C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, được chứng minh bằng lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 14 giờ ngày 25/7/2019, Nguyễn Hữu C đến quán bi a QĐ ở Cụm 5, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội hỏi mượn anh Nguyễn Xuân Q chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, biển số 29X3-111.25 trị giá 20.000.000 đồng, nói đi đón bạn nhưng sau khi được anh Q giao xe, C cùng Nguyễn Quyết T mang xe đến cầm cố cho anh Thiệu Văn T, ở Thôn 10, xã T, huyện Đ lấy 5.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân.

[3] Hành vi dùng thủ đoạn gian dối để bị hại tin tưởng và giao tài sản là chiếc xe máy trị giá 20.000.000 đồng của bị hại cho bị cáo, sau đó bị cáo mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân, đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” qui định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo theo tội danh và viện dẫn điều luật nêu trong cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo vì lòng tham nên đã thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy đối với bị cáo cần phải có hình phạt nghiêm để giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

Khi Quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện trả lại số tiền cầm cố chiếc xe máy cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để lấy chiếc xe máy trả lại cho bị hại, khắc phục hậu quả gây ra, bị hại có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có địa chỉ cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét

xử thấy có thể áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ để cải tạo và giáo dục bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Hữu C là lao động tự do nên không có điều kiện về kinh tế để đảm bảo cho việc thi hành án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo qui định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Đối với anh Thiệu Văn T là người nhận cầm cố chiếc xe máy mà bị cáo C chiếm đoạt của anh Nguyễn Xuân Q, khi nhận cầm cố anh T không biết là tài sản do bị cáo phạm tội mà có; anh Nguyễn Quyết T là người trực tiếp giúp C cầm cố chiếc xe máy trên nhưng không biết do C phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ của anh Nguyễn Xuân Q 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển số 29X3-111.25. Ngày 8/10/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy trên cho anh Q chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ. Anh Thiệu Văn T đã được Trả lại số tiền cho cầm cố chiếc xe máy. Anh Q và anh T không có yêu cầu, đề nghị gì về việc bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

[5] Án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu C 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được trả lại tài sản và không yêu cầu gì về việc bồi thường dân sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Hữu C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Nguyễn Hữu C và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ;
- CQTHAHS, CA huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Bị cáo, bị hại.....;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

